

Bản án số: **55/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày 27-6-2019  
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình về ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Ông Trần Văn Rọi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm: 1986, có mặt

Địa chỉ: Tổ 05, ấp P, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

+ Bị đơn: Chị **Trịnh Thanh Th**, sinh năm: 1989, có mặt

Địa chỉ: Tổ 05, ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp PC, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1964, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: ấp PC, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 13-3-2019 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:**

Anh yêu cầu được ly hôn với vợ tên Trịnh Thanh Th. Về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Phạm Minh T, sinh ngày: 22-9-2011, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Từ tháng 02/2019 vợ anh bỏ địa phương đi đâu anh không biết, anh có gửi cháu T cho bên ngoại phụ anh chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa rước đi học. Nay con đã trên 08 tuổi nên anh tôn trọng ý kiến của con và anh yêu cầu được nuôi con, anh thấy 04 tháng nay vợ anh đi đâu không có mặt ở địa phương nên anh không đồng ý giao vợ anh nuôi con. Hiện nay anh làm bảo vệ trong Khu công nghiệp Phước Đông – Bời Lời, thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng. Trường hợp anh được nuôi con thì anh đồng ý rước cháu T về sống chung với anh tại nhà riêng của hai vợ chồng, nhà cha mẹ anh ở gần nhà riêng của vợ chồng nên phụ anh chăm sóc, đưa rước con đi học được.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, vợ chồng có căn nhà xây dựng trên đất của cha mẹ anh, có 02 xe máy là đúng, mỗi người đang sử dụng 01 chiếc xe, anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong hồ sơ này.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng anh kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ anh về nhà anh làm dâu được 01 năm, sáu đó vợ chồng xây nhà sống riêng đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do: Vợ chồng không hợp nhau, tự nhiên vào đầu tháng 02 năm 2019 thì vợ anh bỏ đi đến nay.

***Tại bản tự khai ngày 31-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trịnh Thanh Th trình bày:***

**Chị tên là Trịnh Thanh Th, không phải tên Trịnh Thị Thanh Th.** Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng: Trong cuộc sống anh T luôn khắc khe về tiền bạc, mỗi ngày chị đi làm anh T chỉ đưa 30.000 đồng, đến tháng lãnh lương anh T giữ thẻ ATM và tiền của chị hết; anh T thường chửi chị khi anh T nóng giận, anh T thường mời bạn bè về nhà ăn nhậu nhưng không dọn dẹp nhà sau đó. Nay chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khoảng 04 tháng nay chị đi tránh mặt anh T, không dám cho anh T biết chị ở đâu. Chị cam kết sau khi ly hôn chị sẽ về sống bên nhà cha mẹ chị và đi làm nuôi con. Tại phiên tòa chị xác định từ đầu tháng 6-2019 chị đã về sống với mẹ **ruột** và con của chị đến nay và hiện chị đã đi làm công nhân.

Tài sản chung: Vợ chồng có căn nhà xây dựng và mới sửa chữa hơn 01 năm nay, giá trị xây dựng và sửa nhà khoảng 400.000.000 đồng, 02 xe máy (mô tô) mỗi người đang sử dụng 01 chiếc xe, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nếu thời gian sau chị có yêu cầu giải quyết sẽ khởi kiện sau.

Nợ chung: không có, nên chị không yêu cầu giải quyết.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị B trình bày:***

Bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Bà là hiện là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Minh T là con của anh T và chị Th. Từ khi cháu T đi học mẫu giáo đến nay bà là người đưa rước cháu đi học. Khi vợ

chồng anh T và chị Th mâu thuẫn thì con gái bà sợ T nên có đi né tránh mấy tháng, không dám về gặp mặt anh T. Từ khi con gái bà bỏ đi trốn vào tháng 02/2019 thì con rể bà cũng không nuôi con mà đem cháu T vào gửi cho bà trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc luôn cho đến nay, ít khi vào thăm con, chứ không thăm con thường xuyên.

Từ đầu tháng 6-2019 thì được Tòa án vận động, gửi giấy triệu tập nên con gái bà không né tránh nữa mà đã về sống chung với bà để cùng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến nay. Nay vợ chồng hai con của bà ly hôn, Tòa án giao cháu T cho bên nào bà cũng đồng ý giao cho bên đó theo quyết định của Tòa án, bà không có yêu cầu gì. Trường hợp Tòa án giao cháu T cho con gái bà được nuôi dưỡng thì bà đồng ý phụ giúp con gái bà chăm sóc cháu T.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, bà ông Dương Nguyên Khang phát biểu:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phan Thị B có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Trịnh Thanh Th.

+ Về con chung: Giao chị Trịnh Thanh Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Minh T, sinh ngày: 22-9-2011.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

+ Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị B có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Trịnh Thanh Th kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh chị tính tình không hợp nhau, có mâu thuẫn về tiền bạc sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày; anh chị chưa thực sự tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và giúp đỡ nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 02-2019 đến nay không hàn gắn được. Nay chị Th đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Anh chị đều có yêu cầu được ly hôn. Tòa án đã tổ chức phiên họp để hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ vợ chồng nhưng anh chị đã quyết định ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy công nhận nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị thống nhất có 01 cháu: Phạm Minh T, sinh ngày: 22-9-2011; cháu T hiện đang sống chung với bà B và chị Th. Tại phiên họp và tại phiên tòa anh chị cùng có yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06-6-2019 có sự giám hộ của anh T và chị Th thì cháu T có nguyện vọng sống với anh T nhưng sau đó cháu T có sự thay đổi, cháu T có nguyện vọng tiếp tục sống với chị Th và bà B (bà ngoại) như hiện nay. Xét về khoảng thời gian từ nhỏ đến nay bà B thường xuyên đưa rước cháu T đi học, 04 tháng từ ngày chị Th bỏ đi thì anh T cũng không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục mà gửi cho bà B (mẹ chị Th). Chị Th cho rằng 04 tháng chị bỏ đi là tránh mặt anh T và tại phiên tòa chị Th cam kết đã cư trú chung nhà với bà B để đi làm nuôi con, chị Th xác định đã có việc làm. Hội đồng xét thấy cháu T còn nhỏ và có nguyện vọng sống chung với chị Th; anh T và chị Th có 01 người con nên khi ly hôn ưu tiên cho phụ nữ; anh T làm bảo vệ và sống riêng với cha mẹ ruột nên việc trông nom, chăm sóc cháu T có thể có khó khăn; chị Th đủ điều kiện nuôi con và có bà B là mẹ ruột sống chung nhà đồng ý phụ giúp chị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T cần giao cho chị Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Thúy không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Trịnh Thanh Th.

2. Về con chung: Giao chị Trịnh Thanh Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Minh T, sinh ngày: 22-9-2011.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008885 ngày 13-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

*Lê Minh Hiếu*



